

Số:508 /BC-STP

Hưng Yên, ngày 04 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Quyết định quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Sở Tài chính

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 440/STC-GCS&DN ngày 01/4/2024 của Sở Tài chính (*Cơ quan soạn thảo*) về việc thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi kèm hồ sơ đề nghị thẩm định gồm có: dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên (*viết tắt là dự thảo Quyết định*); bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; bản sao các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị và các văn bản có liên quan.

Trên cơ sở nghiên cứu Hồ sơ đề nghị thẩm định, căn cứ các quy định của pháp luật về xây dựng và thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp (*Cơ quan thẩm định*) có ý kiến như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quyết định phù hợp với quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung của dự thảo Quyết định cơ bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

Dự thảo Quyết định đã xác định đúng đối tượng, phạm vi điều chỉnh, đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật; các nội dung của dự thảo văn bản cơ bản phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, để nội dung của dự thảo Quyết định hoàn thiện hơn đề nghị Cơ quan soạn thảo cần lưu ý xem xét một số nội dung sau:

Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 3 có liên quan đến hiệu lực của Quyết định nên không phù hợp với tên của Điều 3. Vì vậy đề nghị Cơ quan soạn thảo chuyển nội dung quy định tại khoản 2 Điều 3 xuống khoản 1 Điều 4, sắp xếp lại các khoản của Điều 3 cho đúng thứ tự và trình bày lại nội dung khoản 1 Điều 4 cho phù hợp, cụ thể xem xét, cân nhắc trình bày lại như sau:

“Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực ổn định trong thời gian 05 năm kể từ ngày...tháng...năm 2024. Việc điều chỉnh số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị”

III. VỀ NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định có nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành.

IV. VỀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO

1. Tại căn cứ ban hành

a) Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ phần căn cứ ban hành để không trình bày ngày, tháng, năm ban hành văn bản bằng các dấu gạch chéo (/) mà ghi rõ “ngày...tháng...năm...” cho phù hợp với hướng dẫn tại Mẫu số 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tại căn cứ thứ hai (*từ trên xuống*), đề nghị cơ quan soạn thảo sửa thành như sau: “*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017*” cho phù hợp với hướng dẫn tại Mẫu số 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

c) Tại căn cứ thứ nhất và căn cứ thứ ba (*từ trên xuống*), đề nghị Cơ quan soạn thảo tách thành các căn cứ riêng biệt cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời tại căn cứ thứ ba sửa ngày, tháng, năm ban hành văn bản cho đúng, cụ thể trình bày lại như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

.....
Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;”

d) Đề nghị Cơ quan soạn thảo bỏ các căn cứ: thứ năm, thứ sáu (*từ trên xuống*). Vì các văn bản này không phải là căn cứ ban hành dự thảo Quyết định theo quy định

tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Những văn bản này có thể đưa vào nội dung Tờ trình để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

đ) Tại căn cứ thứ tư (*từ trên xuống*), đề nghị bỏ cụm từ “*về việc*” ở sau cụm từ “*Bộ trưởng Bộ Tài chính*” cho đúng tên gọi của Thông tư.

2. Tại Điều 3

a) Tại điểm b khoản 1, đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung tên gọi của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP khi viện dẫn lần đầu đối với văn bản này cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP: “***Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản.*** Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó”, cụ thể trình bày lại như sau: “*theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô*”.

b) Tại đoạn văn bản thứ nhất của điểm c khoản 1, đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa cụm từ “*theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ*” thành “*theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP*” cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, vì Nghị định số 72/2023/NĐ-CP đã được viện dẫn lần đầu tại điểm b khoản 1 Điều 3 nên từ lần viện dẫn tiếp theo chỉ ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.

3. Hiện tại trong dự thảo Quyết định đang sử dụng cùng lúc hai cụm từ “*cơ quan, tổ chức, đơn vị*” và “*đơn vị dự toán cấp I*” để chỉ các đối tượng áp dụng được quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định. Để đảm bảo thống nhất với tên gọi của dự thảo Quyết định, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát và sử dụng thống nhất cụm từ “*cơ quan, tổ chức, đơn vị*” trong toàn bộ dự thảo Quyết định.

Đồng thời trình bày lại khoản 2 Điều 3 thành như sau:

“3. Số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị nào thì do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó quyết định.”

4. Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ văn bản để sửa các cụm từ: “UBND” thành “Ủy ban nhân dân”, “HĐND” thành “Hội đồng nhân dân”, “Đoàn ĐBQH” thành “Đoàn Đại biểu Quốc hội”. Trong trường hợp cần thiết viết tắt thì phải giải thích nội dung của từ ngữ đó tại lần xuất hiện đầu tiên trong văn bản cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Đồng thời rà soát toàn bộ văn bản để sửa các lỗi chính tả, lỗi đánh máy, tránh để xảy ra sai sót khi văn bản đã được ban hành. Ví dụ: tại điểm c khoản 1 Điều 3 sửa các cụm từ: “*các đoàn giám sát*” thành “*các đoàn giám sát*”, “*tiếp xúc cử tri*” thành “*tiếp xúc cử tri*”, “*đưa đón*” thành “*đưa đón*”; tại khoản 2 Điều 3 sửa cụm từ “*ổn định*” thành “*ổn định*”; tại thẩm quyền ban hành ở cuối văn bản, sửa từ “*ỦY*” thành “*ỦY*”.

5. Tại Nơi nhận

Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa nơi nhận “*Bộ Tài chính*” thành “*Bộ Tài chính (Vụ pháp chế)*” cho phù hợp với quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; sửa các nơi nhận: “*Sở Tư pháp (lưu vào CSDLQG)*” thành “*Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật)*”, “*Trung tâm TH-CB tỉnh*” thành “*Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh*”.

6. Đối với Phụ lục

a) Để phù hợp với hướng dẫn tại Mẫu số 44 Mục IV Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, đề nghị Cơ quan soạn thảo trình bày lại Phụ lục như sau:

“Phụ lục
SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA TỈNH HƯNG YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../2024/QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

V. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Dự thảo Quyết định cơ bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành sau khi Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu các ý kiến theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

2. Đề nghị Cơ quan soạn thảo gửi Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo dự thảo Quyết định đã được chỉnh sửa (có ký nháy từng trang của đơn vị trình) đến Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, VBQPPL^{Ch}.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thế Tiệm